

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Xây dựng khẩn cấp trạm bơm Đức Mai,  
xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 154/BC-SNNMT ngày 18/3/2026; văn bản số 1529/SNNMT-QLĐT XD ngày 02/3/2026; Sở Tài chính tại văn bản số 1349/STC-THQH ngày 04/3/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Xây dựng khẩn cấp trạm bơm Đức Mại, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng khẩn cấp trạm bơm Đức Mại, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện kỹ thuật công trình.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình, thời hạn sử dụng công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp & PTNT.

- Cấp công trình chính: Cấp II.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 50 năm.

7. Mục tiêu dự án:

Góp phần hỗ trợ tiêu thoát nước, phòng chống thiên tai cho các xã Kép, Lạng Giang, Tiên Lục, Mỹ Thái với diện tích khoảng 8.200 ha, đáp ứng cho yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh, kinh tế của khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô xây dựng:

- Xây dựng trạm bơm tiêu với tổng lưu lượng thiết kế 45,0 m<sup>3</sup>/s, bao gồm các hạng mục chính: Nhà trạm bơm, nhà quản lý, hạ tầng khu quản lý, bể hút, hồ điều hòa, bể xả, cống xả qua đê, cống vào bể hút, kênh xả và các thiết bị cơ khí, thiết bị công nghệ, trạm biến áp, hệ thống điện phục vụ vận hành trạm bơm.

- Xây dựng một số hạng mục công trình khác: kênh nối lưu vực tiêu; xây dựng và hoàn trả hệ thống điện...

8.2. Các thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Thông số kỹ thuật chính:

- Thông số kỹ thuật công trình chính:

STT	Danh mục chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Trạm bơm</b>		
-	Lưu lượng thiết kế	m <sup>3</sup> /s	45,0
-	Số tổ máy bơm	TM	06
+	Lưu lượng máy bơm (Q <sub>b</sub> )	m <sup>3</sup> /s	7,5
+	Công suất động cơ (N <sub>đc</sub> )	Kw	≤ 850

STT	Danh mục chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
+	Cột nước bơm TK tiêu	m	8,16
+	Đường kính ống xả	mm	D1800
-	Cao trình mực nước bể hút tiêu: ( $MN_{\max KT}$ ; $MN_{\max TK}$ ; $MN_{\min TK}$ )	m	+6,20; +2,50; +1,00
-	Cao trình đáy buồng hút	m	-4,30
-	Cao trình mực nước bể xả tiêu: ( $MN_{\max KT}$ ; $MN_{\max TK}$ )	m	+8,62; +8,30
-	Cao trình sàn động cơ	m	+8,50
-	Kích thước nhà máy (axb)	m	45,8x23,0
-	Cao trình đỉnh mái nhà trạm	m	+23,40
<b>II</b>	<b>Bể hút, hồ điều hòa</b>		
-	<i>Đoạn bể hút</i>		
+	Chiều dài		9,75
+	Kích thước (BxH)	m	37,4 × (11,95)
+	Cao trình đáy	M	+0,60 ÷ -2,55
+	Cao trình đỉnh	m	+8,00
+	Hệ số mái		0
-	<i>Phần hồ điều hòa</i>		
+	Diện tích lòng hồ	m <sup>2</sup>	khoảng 12400
+	Cao trình đáy	m	-0,60
+	Cao trình đỉnh	m	+7,00 ÷ +8,00
+	Hệ số mái		1,5
<b>III</b>	<b>Bể xả</b>		
+	Chiều dài		31,00
+	Chiều rộng	m	16,60 ÷ 37,40
+	Cao trình đáy	m	+1,55
+	Cao trình đỉnh	m	+9,50
<b>IV</b>	<b>Công xả qua đê</b>		
-	Hình thức công		Công hợp (04 cửa)
-	Lưu lượng thiết kế	m <sup>3</sup> /s	45,0
-	Khẩu độ công BxH	m	4×(3,30×3,5)
-	Cao trình đáy công	m	+3,25
-	Hình thức tiêu năng; chiều sâu bể, cao trình đáy	m	Bể tiêu năng; 1.0m; -0,50m
-	Hình thức điều tiết cửa van		Cửa van bằng thép, máy đóng mở chạy điện kết hợp quay tay
<b>V</b>	<b>Hệ thống vớt rác tự động</b>		
-	Hình thức		Vớt rác từ xa
-	Kiểu máy vớt rác		Tự động kiểu tuần hoàn
-	Khẩu độ công n×B×H	m	3×(4,5×7,6)
-	Cao trình đáy hệ thống vớt rác	m	- 0,60
-	Cao trình đáy máy vớt rác	m	- 0,60
<b>VI</b>	<b>Nhà quản lý</b>		

STT	Danh mục chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
-	Kích thước (axb)	m	22,50×11,70
-	Số tầng		02
<b>VII</b>	<b>Kênh xả:</b>		
+	Chiều dài	m	khoảng 130
+	Hệ số mái kênh		1,5 - 2
+	Độ dốc đáy kênh		0
<b>VIII</b>	<b>Kênh nổi lưu vực</b>		
+	Chiều dài	m	khoảng 500
+	Hệ số mái		1,50
+	Độ dốc đáy kênh	m	0.0002
+	Cống điều tiết		
	Kích thước nxB		2x2
<b>IX</b>	<b>Hoàn thiện đê</b>		
+	Chiều dài	m	Khoảng 160
+	Cao trình đỉnh đê		+9,50
+	Hệ số mái phía sông		2
+	Hệ số mái phía đồng		3
+	Chiều rộng mặt đê	m	12,50
<b>X</b>	<b>Công trình điện</b>		
-	Kiểu trạm		Trạm trệt ngoài trời
-	Số máy biến áp (công suất) -cấp điện áp		03 máy: 2×4000kVA-22/6,3kV + 1×100kVA-22/0,4kV

- Công trình phụ trợ: Sân, khuôn viên, cổng, tường rào, nhà để xe, nhà kho, đường, dốc vào nhà máy và một số công trình phụ khác; biện pháp thi công...

b) Giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Nhà máy: Nền gia cố bằng cọc BTCT M300; bản đáy, tường, sàn động cơ, sàn bơm, trụ pin, tường cánh, trần, dầm cầu trục, cột, giằng BTCT M300; tường nhà máy xây gạch bê tông không nung; chống nóng bằng mái tôn; bố trí hệ thống cửa chính, cửa hậu, cửa sổ; tường, trần lãn sơn; bố trí hệ thống quạt thông gió và phòng cháy nhà máy; lắp đặt hệ thống chống sét trên mái và cọc tiếp địa.

- Phần cơ điện: Lắp đặt 06 tổ máy bơm tiêu trực đứng (lưu lượng máy  $Q_b=27000 \text{ m}^3/\text{h}$ , công suất động cơ  $N_{đc} \leq 850 \text{ KW}$ ) và 02 máy bơm tiêu nước hầm trong nhà máy phục vụ sửa chữa (công suất máy bơm  $Q_b=216 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $N_{đc}= 11,0 \text{ KW}$ ); hệ thống cầu trục 25 tấn chạy điện phục vụ lắp đặt và sửa chữa máy bơm; đường ống xả bơm bằng thép có lắp van clape ở cửa ra; Lắp đặt hệ thống điện vận hành trạm bơm, hệ thống điều khiển giám sát SCADA và hệ thống điện chiếu sáng trong, ngoài nhà.

- Bể hút, Bể xả: Kết cấu BTCT M300, nền gia cố bằng cọc BTCT M300.

- Cổng xả qua đê: Thân cống, dốc nước, bể tiêu năng, sàn và trụ đỡ cầu

công tác kết cấu bằng BTCT M300; khớp nối bằng đồng; nền gia cố cọc BTCT M300. Chống thấm cho nền công bằng cọc ván thép FSP-IV, xung quanh mang công đắp đất sét luyện, khoan phụt chống thấm; Nhà dàn van kết cấu BTCT M300, cửa van bằng thép, máy đóng mở bằng điện kết hợp quay tay.

- Hồ điều hòa: Cao trình đáy -0,60; mái hồ gia cố bằng BTCT M250 đổ tại chỗ trong hệ thống khung dầm BTCT M250, hệ số mái  $m = 1,50$ ; Cao trình đỉnh kè từ +7,00 đến +8,00; cơ rộng 2 m tại cao trình +3,00; Phần gia cố móng dầm chân mái kè bằng cọc BTCT M300 (*riêng đoạn từ nhà trạm bơm đến cống tiêu tự chảy gia cố móng chân kè bằng cọc ván bê tông DUL*).

- Hoàn trả mặt cắt đê: Cao trình đỉnh đê hoàn trả +9.50m, mái phía sông  $m_s = 2,0$ , mái phía đồng  $m_d = 3,0$ , chiều rộng mặt đê  $B = 12,50m$  (trong đó lề mỗi bên 0,75m); mặt đê gia cố bằng bê tông nhựa asphalt; mái đê gia cố lát tấm bê tông đúc sẵn M250 trong hệ khung dầm BTCT M250.

- Hệ thống vớt rác tự động: Cống vớt rác bằng BTCT M300, gia cố nền bằng cọc BTCT M300, lắp đặt 03 máy vớt rác tự động kiểu tuần hoàn.

- Kênh xả: Gia cố mái kênh bằng tấm lát cấu kiện BTĐS đặt trong khung dầm BTCT M250 (*riêng bờ kênh đối diện cống xả gia cố bằng BTCT M250*), đáy kênh đoạn sâu sau bề tiêu năng gia cố bằng BTCT và rọ đá.

- Kênh nổi lưu vực: Chiều dài khoảng  $L = 500m$ ; chiều rộng đáy kênh  $B = 6,0m$ ; hệ số mái  $m = 1,5$ ; Kết cấu kênh đất; Bố trí cống điều tiết kết cấu BTCT M250, gia cố nền bằng cọc BTCT M300, bố trí cửa van bằng thép và máy đóng mở.

- Nhà quản lý: Móng BTCT M250, nền gia cố bằng cọc BTCT M300, kết cấu nhà dạng khung cột, trần nhà BTCT M250; Chống nóng bằng mái tôn; Tường xây gạch bê tông không nung; bố trí hệ thống cửa đi, cửa sổ; Tường, trần lăn sơn; Lắp đặt hệ thống điện trong nhà, thoát nước mái, chống sét và cọc tiếp địa, cấp thoát nước nhà vệ sinh, thiết bị nhà vệ sinh; Bố trí trang thiết bị phục vụ làm việc, sinh hoạt.

- Phần cấp điện:

+ Đường dây trung thế 22kV: Sử dụng tuyến đường dây trên không kết hợp cáp ngầm trung thế từ vị trí cột điểm đầu tới vị trí đặt trạm biến áp sử dụng cáp bọc trung thế và cáp ngầm trung thế; các phụ kiện chi tiết khác đi kèm.

+ Trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp kiểu trệt ngoài trời, lắp đặt 3 máy biến áp  $2 \times 4000kVA-22/6,3kV + 1 \times 100kVA-22/0,4kV$ . Lắp đặt máy biến áp và các thiết bị kèm theo, gồm: cột đỡ, chống sét van, sứ đứng, cầu dao, cầu chì tự rơi, thanh cái đồng, cáp điện hạ thế CU/XLPE/PVC, tủ điện tổng, tủ công tơ...

- Các thông số kỹ thuật, công trình phụ trợ (*đường, dốc, sân, cống, tường rào, nhà để xe, nhà kho, khuôn viên...*) và chi tiết giải pháp thiết kế khác: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.

9. Tổng mức đầu tư xây dựng: **500.000.000.000** đồng (*Năm trăm tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: **20.000.000.000** đồng

- Chi phí xây dựng:	180.036.405.000	đồng
- Chi phí thiết bị	261.943.379.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	5.446.923.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	15.352.741.000	đồng
- Chi phí khác:	5.796.532.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	11.424.020.000	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: 31/12/2027.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Các nội dung khác:

- Phương án giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư phối hợp với UBND xã Mỹ Thái xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

- Các nội dung khác theo Báo cáo kết quả thẩm định số 154/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình và quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP<sup>Ô.Luýén</sup>;
- Lưu: VT, KTN<sup>Nam</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Lợi**